

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày 29 - 7 - 2022

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Đình Nguyễn.

Ông Lê Anh Thơ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2021; về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST - DS, ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Văn T, sinh năm 1972. Nơi ĐKKHKT: Khối SN thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Tổ X, xóm HK, phường PL, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P; sinh năm 1952. Địa chỉ: Khối SN, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lương Văn P, sinh năm 1950. Địa chỉ: Số nhà A, Lô VC, khu vực Bình Hòa A, phường PT, quận ÔM, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Lương Văn P: Ông Lương Văn A, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà B, ngõ Y, ngách C, đường HHT, phường NH, quận BĐ, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền lập

ngày 20/01/2022. Vắng mặt.

2. Ông Lương Ánh L, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số nhà B, ngách 36/19, tổ Z, đường NK, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Ông Lương Văn K, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số nhà D, ngõ K, đường L, phường LT, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Ông Lương An N, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu phố C, tổ Q, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

5. Ông Lương Văn B, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số nhà T, khối YT, xã HN 3, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

6. Ông Lương Văn A, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số nhà B, ngõ Y, ngách C, đường HHT, phường NH, quận BD, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

7. Bà Lương Thị V, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số nhà D, ngõ p Đội Cấn, phường VP, quận BD, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

8. Bà Lương Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khối SN, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

9. Bà Lương Thị T, sinh năm 1974. Nơi ĐKKHKT: Tổ H, TB, LB, Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Số nhà V, ngõ Z ĐC, phường VP, quận BD, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

10. Chị Lương Thị Thu T, sinh năm 1979. Nơi ĐKKHKT: Khối SN, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Khối Y, phường HHT, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

12. Chị Lương Thị H, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu TC, thị trấn PX, huyện PX, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: G, HM, quận HM, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Lương Thị Thu T và chị Lương Thị H: Bà Nguyễn Thị P; sinh năm 1952. Địa chỉ: Khối SN, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; là người đại diện theo ủy quyền tại các văn bản ủy quyền lập ngày 21/4/2022 và ngày 24/4/2022; có mặt.

13. Anh Lương Chí H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khối SN, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2021, đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2021; lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn ông Lương Văn T yêu cầu: Cụ Lương Văn N và cụ Phan Thị Đ sinh được 11 người con gồm: Ông Lương Văn P, ông Lương Văn T (đã chết), ông Lương Ánh L, ông Lương Văn K, ông Lương An N, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương

Thị V, bà Lương Thị H, ông Lương Văn T và bà Lương Thị T. Cụ Lương Văn N chết năm 2006, cụ Phan Thị Đ chết năm 1992. Tài sản của cụ N và cụ Đ để lại là thửa đất số X, tờ bản đồ Y, khối Xuân Khoa (nay là khối Sa Nam), thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã phân chia di sản của cụ Lương Văn N theo quy định của pháp luật. Đồng thời xác định phần di sản của cụ Đ là 181,35 m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ 11 khối Xuân Khoa (nay là khối Sa Nam), thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An giao cho bà Nguyễn Thị P tạm quản lý. Hiện tại luật quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế là 30 năm nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với suất thừa kế nguyên đơn được nhận, yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Đối với phần di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ để lại, bị đơn đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật. Phần thừa kế ông Lương Văn T được chia thuộc quyền sử dụng của bị đơn và các con là Lương Thị Thu T, Lương Thị H và Lương Chí H. Bị đơn có công trong quản lý, bảo quản, tôn tạo đất và 01 giếng đào từ năm 1998 đến nay. Vì vậy, trước khi chia tài sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ, bị đơn yêu cầu trích công sức trong thời gian 25 năm với tổng số tiền từ 170.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng tương đương khoảng từ 40 đến 45 m² đất và đề nghị được trích công sức bằng đất. Đối với suất thừa kế ông Lương Ánh L tặng cho, bị đơn xin được nhận bằng đất. Do phần đất được chia theo Bản án số 57/2015/DS-PT, ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, hiện nay bị đơn chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên để thuận tiện cho việc sử dụng và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn đề nghị Tòa án nhập diện tích được chia trong vụ án này với diện tích được chia trước đây của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thành tổng diện tích đất được chia tại thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, khối Sa Nam, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn P, ông Lương Văn K, ông Lương An N, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, bà Lương Thị H và bà Lương Thị T đều thừa nhận di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ để lại, hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày; đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ theo quy định của pháp luật và chia bằng đất. Phần suất thừa kế của họ được hưởng đề nghị hiến tặng vào đất nhà thờ để mở rộng khuôn viên đất nhà thờ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Ánh L đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ theo quy định của pháp luật và chia bằng đất. Phần thừa kế được hưởng, ông Lương Ánh L tặng cho bà Nguyễn Thị P.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật. Phần thừa kế ông Lương Văn T được chia thuộc quyền sử dụng chung của bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên toà được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 615, khoản 2 Điều 616, khoản 2 Điều 618, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 658 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T về chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đức theo pháp luật, gồm diện tích đất 181,35 m² thuộc thửa số X, tờ bản đồ Y khối Xuân Khoa (nay là khối Sa Nam), thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cho 11 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Lương Văn P, ông Lương Ánh L, ông Lương An N, ông Lương Văn K, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, ông Lương Văn T, bà Lương Thị H, bà Lương Thị T và vợ, con của ông Lương Văn T (đã chết) là bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H.

- Trích chi phí bảo quản di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị P tương đương 42,75 m² đất, trị giá 171.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H được quyền sử dụng 80,55 m². Bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lương Văn T số tiền 50.400.000 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Nhập vào đất nhà thờ diện tích 100,8 m² của 08 suất thừa kế gồm ông Lương Văn P, ông Lương Văn K, ông Lương An N, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, bà Lương Thị H và bà Lương Thị T.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lương Văn Toàn yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ là diện tích đất 181,35 m² thuộc thửa số X, tờ bản đồ Y khối Xuân Khoa (nay là khối Sa Nam), thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đang do bà Nguyễn Thị P tạm quản lý nên đây là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lương Văn T; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn P, ông Lương Ánh L, ông Lương Văn K, ông Lương An N, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, bà Lương Thị H và bà Lương Thị T vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về thời điểm, địa điểm mở thừa kế: Căn cứ vào Giấy chứng tử và lời khai của các đương sự xác định cụ Phan Thị Đ chết ngày 09/9/1992. Vì vậy, thời điểm mở thừa kế, địa điểm mở thừa kế của người để lại tài sản cụ Phan Thị Đ được xác định là ngày 09/9/1992, tại khối Xuân Khoa (nay là khối Sa Nam), thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 611 Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Về xác định di sản thừa kế: Căn cứ Bản án số 57/2015/DS-PT, ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và thừa nhận của các đương sự, xác định di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ để lại là diện tích đất 181,35 m² thuộc thửa đất số X, tờ bản đồ Y khối Xuân Khoa (nay là khối Sa Nam), thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Căn cứ kết quả định giá ngày 07/4/2022 thì giá trị đất là 181,35 m² x 4.000.000 đồng/m² = 725.400.000 đồng. Trên diện tích đất này có 01 giếng đào cấp 3 trị giá 17.064.000 đồng.

[2.3]. Về xác định cách phân chia di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận cụ Phan Thị Đ chết không để lại di chúc và đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chia thừa kế theo pháp luật.

[2.4]. Về xác định người thừa kế theo pháp luật: Cụ Lương Văn N và cụ Phan Thị Đ sinh được 11 người con gồm: Ông Lương Văn P, ông Lương Văn T, ông Lương Ánh L, ông Lương Văn K, ông Lương An N, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, bà Lương Thị H, ông Lương Văn T và bà Lương Thị T. Ông Lương Văn T chết năm 2014 nên vợ, con ông Lương Văn T gồm bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H, anh Lương Chí H là người thừa kế của ông Lương Văn T. Vì vậy xác định người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Thị Đ là ông Lương Văn P, ông Lương Ánh L, ông Lương Văn K, ông Lương An N, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, bà Lương Thị H, ông Lương Văn T, bà Lương Thị T, bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H.

[2.5]. Về thanh toán chi phí bảo quản di sản: Quá trình thu thập chứng cứ xác định: Sau khi cụ Phan Thị Đ chết thì khối tài sản chung do cụ Lương Văn Nh quản lý. Năm 1998, cụ Lương Văn N ra Hà Nội sinh sống thì thửa đất do gia đình bà Nguyễn Thị P quản lý cho đến nay. Quá trình sinh sống, gia đình bà Nguyễn Thị P đã cải tạo đất, tôn tạo giếng đào, làm tăng giá trị tài sản. Tại bản án số 57/2015/DS-PT, ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An tiếp tục tạm giao quyền quản lý tài sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ cho bà Nguyễn Thị P. Vì vậy, bà Nguyễn Thị P được thanh toán chi phí bảo quản di sản và được ưu tiên thanh toán theo quy định khoản 2 Điều 616, khoản 2 Điều 618, Điều 658 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, bà Nguyễn Thị P yêu cầu thanh toán chi phí từ 170.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng tương đương khoảng từ 40 đến 45 m² đất là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ thời gian quản lý di sản, tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ để thanh toán chi phí bảo quản di sản, công sức tôn tạo làm tăng giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị P với số tiền 171.000.000 đồng và thanh toán bằng đất tương đương với 42,75 m².

[2.6]. Về phân chia di sản: Phần di sản thừa kế còn lại của cụ Phan Thị Đ sau khi thanh toán chi phí quản lý di sản là $181,35 \text{ m}^2 - 42,75 \text{ m}^2 = 138,6 \text{ m}^2$ tương đương với số tiền 554.400.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự thì những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau nên mỗi người được chia giá trị tài sản là $554.400.000 \text{ đồng} : 11 \text{ suất} = 50.400.000 \text{ đồng/suất}$ (tương đương với $12,6 \text{ m}^2$ đất).

Nguyên đơn yêu cầu chia di sản bằng giá trị. Những người thuộc hàng thừa kế còn lại yêu cầu chia bằng hiện vật (bằng đất). Xét nguyện vọng chia di sản thừa kế bằng hiện vật của các đương sự nhằm một phần hiến tặng đất cho nhà thờ và đảm bảo giá trị sử dụng đất là phù hợp với thuần phong mỹ tục, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ bằng hiện vật. Phần đất chia cho ông Lương Văn P, ông Lương Văn K, ông Lương An N, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, bà Lương Thị H và bà Lương Thị T được nhập vào diện tích đất nhà thờ là $08 \text{ suất} \times 12,6 \text{ m}^2/\text{suất} = 100,8 \text{ m}^2$. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lương Ánh L về việc tặng cho bà Nguyễn Thị P phần đất được chia thừa kế. Để đảm bảo giá trị sử dụng của đất và đảm bảo thi hành án, Hội đồng xét xử giao cho bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H được quyền sử dụng phần diện tích đất chia cho ông Lương Văn T. Bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền tương đương với phần tài sản thừa kế được chia cho ông Lương Văn T. Vì vậy, bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H được quyền sử dụng tổng diện tích đất là $80,55 \text{ m}^2$ gồm 01 suất thừa kế chia cho ông Lương Văn T; 01 suất thừa kế của ông Lương Ánh L tặng cho; 01 suất thừa kế chia cho ông Lương Văn T và $42,75 \text{ m}^2$ đất thanh toán chi phí quản lý di sản. Bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lương Văn T số tiền 50.400.000 đồng.

[2.7]. Tại công văn số 1222/CNVPĐK-ĐKCG, ngày 15/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Nam Đàn xác định: Căn cứ bản án số 57/2015/DS-PT, ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, hiện tại chỉ có ông Lương Văn T làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 550796, ngày 19/01/2018. Ngày 03/3/2020 ông Lương Văn T đã chuyển nhượng cho ông Lữ Đức H. Ngày 25/02/2021 ông Lữ Đức H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Cảnh L. Các phần diện tích khác trong thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, khối Sa Nam, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An chưa nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên bản đồ địa chính lưu tại Chi nhánh đã chỉnh lý diện tích $166,4 \text{ m}^2$ tách ra từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11, khối Sa

Nam, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An với số thửa là 420. Do vị trí thửa đất là di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ sau khi chia không đảm bảo kích thước theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND, ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Nghệ An và phần đất chia cho các đương sự để nhập vào đất nhà thờ không có lối ra nên để thuận tiện cho việc sử dụng và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tổng diện tích đất nhà thờ tại thửa số X, tờ bản đồ Y khối Sa Nam, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An là $199,5 \text{ m}^2 + 100,8 \text{ m}^2 = 300,3 \text{ m}^2$ thuộc quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế của cụ Lương Văn N và cụ Phan Thị Đ. Tổng diện tích đất được chia cho bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H tại thửa số X, tờ bản đồ Y khối Sa Nam, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An là $214,45 \text{ m}^2 + 80,55 \text{ m}^2 = 295 \text{ m}^2$.

[2.8]. Về tài sản trên đất thừa kế: Trên đất thừa kế có 01 giếng đào có từ năm 1976 và sau này bà Nguyễn Thị P có tôn tạo thêm. Đây là giếng đào trước đây của cụ Lương Văn N và cụ Phan Thị Đ, tuy nhiên các đương sự không yêu cầu chia giá trị giếng này để làm kỷ niệm. Mặt khác, giếng đào nằm trên phần đất được chia cho các đồng thừa kế để nhập vào đất nhà thờ nên giếng đào thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng chung của các đồng thừa kế của cụ Lương Văn N và cụ Phan Thị Đ.

Đối với một số cây ăn quả do bà Nguyễn Thị P trồng trên đất thừa kế trong quá trình quản lý đất gồm: 03 cây đu đủ trị giá 90.000 đồng; 01 cây ổi trị giá 200.000 đồng; 03 cây bưởi trị giá 400.000 đồng; 01 cây bưởi trị giá 100.000 đồng; 01 cây bơ trị giá 100.000 đồng; 04 cây na trị giá 800.000 đồng, bà Nguyễn Thị P đề nghị do cây ăn quả còn nhỏ, giá trị không lớn nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Lương Văn P, ông Lương Ánh L, ông Lương An N là người cao tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên được miễn nộp tiền án phí. Ông Lương Văn K, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, ông Lương Văn T, bà Lương Thị H và bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế là $50.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.520.000 \text{ đồng}$. Bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế là $50.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.520.000 \text{ đồng}$, chia kỹ phần mỗi người phải chịu là 630.000 đồng. Bà Nguyễn Thị P còn phải chịu án phí đối với chi phí bảo quản di

sản được thanh toán nhưng bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

[4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và ra Quyết định định giá tài sản nên đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng với số tiền là 5.000.000 đồng, đã chi phí hết 4.850.000 đồng theo bảng kê chi phí tố tụng lập ngày 31/5/2022. Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 615, khoản 2 Điều 616, khoản 2 Điều 618, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T về chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đức theo pháp luật, gồm diện tích đất 181,35 m² thuộc thửa đất số X, tờ bản đồ Y khối Xuân Khoa (nay là khối Sa Nam), thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cho 11 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Lương Văn P, ông Lương Ánh L, ông Lương An N, ông Lương Văn K, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, ông Lương Văn T, bà Lương Thị H, bà Lương Thị T và vợ, con của ông Lương Văn T (đã chết) là bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H, anh Lương Chí H.

2. Trích chi phí bảo quản di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị P tương đương 42,75 m² đất, trị giá 171.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu đồng). Di sản thừa kế của cụ Phan Thị Đ còn lại là 138,6 m², tương đương với số tiền 554.400.000 đồng (Năm trăm năm mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng). Mỗi suất thừa kế được hưởng 12,6 m² đất tương đương giá trị thành tiền là 50.400.000 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Chia cho ông Lương Văn P, ông Lương Văn K, ông Lương An N, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, bà Lương Thị H và bà Lương Thị T mỗi người được quyền sử dụng 12,6 m² đất, trị giá 50.400.000 đồng (Năm

mười triệu bốn trăm nghìn đồng). Nhập vào đất nhà thờ tổng diện tích được chia của ông Lương Văn P, ông Lương Văn K, ông Lương An N, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, bà Lương Thị H và bà Lương Thị T là 100,8 m², trị giá 403.200.000 đồng (Bốn trăm linh ba triệu hai trăm nghìn đồng) tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y khối Sa Nam, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Phần đất nhập vào đất nhà thờ được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 trên sơ đồ kèm theo và có tứ cận như sau: Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị P dài 8,75 m + 4,14 m = 12,89 m; phía Bắc giáp thửa đất 352 dài 13,48 m; phía Đông giáp thửa đất 420 rộng 7,36 m; phía Tây giáp đất của nhà thờ theo Bản án số 57/2015/DS-PT, ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An rộng 8,12 m. Tổng diện tích đất nhà thờ tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y khối Sa Nam, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An là 199,5 m² + 100,8 m² = 300,3 m² và 01 giếng đào thuộc quyền sử dụng và sở hữu chung của các đồng thừa kế của cụ Lương Văn N và cụ Phan Thị Đ.

4. Chia cho bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H được quyền sử dụng 80,55 m², trị giá 322.200.000 đồng) tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y khối Sa Nam, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, gồm 01 suất thừa kế của ông Lương Văn T; 01 suất thừa kế của ông Lương Ánh L tặng cho; 01 suất thừa kế chia cho ông Lương Văn T và diện tích 42,75 m² đất thanh toán chi phí quản lý di sản cho bà Nguyễn Thị P. Phần đất chia được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 8, 9 trên sơ đồ kèm theo, và có tứ cận như sau: Phía Nam giáp đường khối rộng 2,83 m; phía Bắc giáp đất của nhà thờ rộng 4,13 m; phía Đông giáp thửa đất 420 dài 23,32 m; phía Tây giáp đất được chia cho bà Nguyễn Thị P theo Bản án số 57/2015/DS-PT, ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An dài 23,41 m. Tổng diện tích chia cho bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y khối Xuân Khoa (nay là khối Sa Nam), thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An là 214,45 m² + 80,55 m² = 295 m².

Bà Nguyễn Thị P, chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lương Văn T số tiền 50.400.000 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

(Đặc điểm, diện tích, vị trí các phần đất được chia có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lương Văn P, ông Lương Ánh L, ông Lương An N, bà Nguyễn Thị P.

Ông Lương Văn K, ông Lương Văn B, ông Lương Văn A, bà Lương Thị V, ông Lương Văn T, bà Lương Thị H và bà Lương Thị T mỗi người phải chịu 2.520.000 đồng (Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lương Văn T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng theo Biên lai tạm thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003579, ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Lương Văn T còn phải nộp là 895.000 đồng (Tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Chị Lương Thị Thu T, chị Lương Thị H và anh Lương Chí H mỗi người phải chịu 630.000 đồng (Sáu trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về Thi hành án dân sự: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Lại

